

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1277**/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **27** tháng 8 năm 2020

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chế độ mai táng phí  
cho các đối tượng theo các Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg;  
số 62/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước, số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc;*

*Căn cứ Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 91/TTr-SLĐTBXH ngày 20/8/2020.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách gồm **25** đối tượng (có danh sách kèm theo) được hưởng trợ cấp tiền mai táng phí theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 và Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ; với tổng số tiền chi trả là **368.500.000** (Ba trăm sáu mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng).

Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí ngân sách tỉnh năm 2020 được UBND tỉnh giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 13/12/2019.

**Điều 2.** Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

1. Phối hợp với UBND các huyện, thị xã có đối tượng hưởng trợ cấp tiền mai táng phí được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này thực hiện cấp phát, chi trả đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định tài chính hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Ba Tơ, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa và thị xã Đức Phổ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(VX), CBTH;
- Lưu: VT, KGVXbthm366

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đặng Ngọc Dũng**



## DANH SÁCH

### GIẢI QUYẾT MAI TÁNG PHÍ CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 290/2005/QĐ-TTg VÀ SỐ 62/2011/QĐ-TTg

(Kèm theo Quyết định số ~~1277~~ **277**/QĐ-UBND ngày ~~27~~ **27**/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi từ trần	Ngày, tháng năm từ trần	Mức hưởng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Phạm Văn Ne	1944	xã Ba Dinh, huyện Ba Tơ	xã Ba Dinh, huyện Ba Tơ	30/9/2020	14.900.000	QĐ-290
2	Phạm Thị Tây	1958	xã Ba Tô, huyện Ba Tơ	xã Ba Tô, huyện Ba Tơ	01/4/2020	14.900.000	QĐ-290
3	Phạm Văn Răng	1954	xã Ba Vinh, huyện Ba Tơ	xã Ba Vinh, huyện Ba Tơ	29/6/2020	14.900.000	QĐ-290
4	Phạm Thanh Biên	1958	xã Ba Tô, huyện Ba Tơ	xã Ba Tô, huyện Ba Tơ	16/4/2020	14.900.000	QĐ-290
5	Đỗ Tiến Tám	1959	phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ	phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ	22/4/2020	14.900.000	QĐ-62
6	Lê Thị Tự	1942	phường Phổ Minh, thị xã Đức Phổ	phường Phổ Minh, thị xã Đức Phổ	21/4/2019	13.900.000	QĐ-290
7	Võ Thị Hai	1940	phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ	xã Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ	03/12/2019	14.900.000	QĐ-290
8	Phạm Năm	1949	phường Phổ Quang, thị xã Đức Phổ	phường Phổ Quang, thị xã Đức Phổ	02/4/2020	14.900.000	QĐ-290
9	Phan Dũng	1950	xã Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ	xã Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ	24/5/2020	14.900.000	QĐ-290
10	Nguyễn Thị Phận	1950	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	29/3/2020	14.900.000	QĐ-290
11	Nguyễn Hân	1934	xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành	06/6/2020	14.900.000	QĐ-290
12	Võ Thị Loan	1930	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	10/5/2020	14.900.000	QĐ-290
13	Phan Sang	1939	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	02/5/2020	14.900.000	QĐ-290
14	Nguyễn Thị Huệ	1930	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	30/4/2020	14.900.000	QĐ-290
15	Bùi Ngọc Tám	1966	xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa	02/6/2019	13.900.000	QĐ-62
16	Lương Bá Nhanh	1962	xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa	04/02/2020	14.900.000	QĐ-62
17	Phan Tấn Luận	1955	xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa	22/02/2020	14.900.000	QĐ-62

1	2	3	4	5	6	7	8
18	Chế Nguyên	1929	xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa	19/9/2019	14.900.000	QĐ-62
19	Võ Cẩm	1930	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	12/4/2020	14.900.000	QĐ-290
20	Lê Thị Liên	1944	xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa	23/5/2020	14.900.000	QĐ-290
21	Lâm Thị Thời	1928	xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa	16/5/2019	13.900.000	QĐ-290
22	Hồ Giáp	1948	xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa	05/3/2020	14.900.000	QĐ-290
23	La Quang Thế	1964	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	08/6/2020	14.900.000	QĐ-62
24	Huỳnh Thị Hung	1928	xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa	27/3/2020	14.900.000	QĐ-290
25	Nguyễn Thủy	1929	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	05/4/2019	13.900.000	QĐ-290
<b>25</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>368.500.000</b>	

Tổng cộng trong danh sách có: **25** (Hai mươi lăm) người.

Số tiền: **368.500.000** (Ba trăm sáu mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) ./.